

Listen and Match

	yóu yǒng	游泳
	huà huà	画画
	huá xuě	滑雪
	dǎ lán qiú	打篮球
	dǎ bàng qiú	打棒球
	dú shū	读书
	tán qín	弹琴
	tǐ zú qiú	踢足球

